TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĂN YÊN** **TỈNH YÊN BÁI** Số:02/2021/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Văn Yên, ngày 29 tháng 12 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

Về việc yêu cầu huỷ việc kết hôn trái pháp luật

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI.

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên họp: Bà Nguyễn Thị Hương;

Thư ký phiên họp: Ông Nguyễn Minh Tuấn.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thị Bích Ngọc – ***Kiểm sát viên.***

Ngày 29 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái, mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 05/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2021 về việc "Yêu cầu huỷ việc kết hôn trái pháp luật", theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 02/2021/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2021, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ông Phàn Quẩy C;

Địa chỉ: Thôn S, xã M, thị xã S, tỉnh Lào Cai; vắng mặt - có đơn xin vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện VY, tỉnh Yên Bái;

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thành N – Chức vụ: Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện VY, tỉnh Yên Bái; vắng mặt-có đơn xin vắng mặt.

+ Chị Phàn Tả M, sinh ngày 04/11/1998;

Địa chỉ: Thôn K, xã Đ, huyện VY, tỉnh Yên Bái; có mặt.

+ Anh Cầm Văn Đ; sinh ngày 10/9/1988

Trú tại: Thôn K, xã Đ, huyện VY, tỉnh Yên Bái; có mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ngày 15/11/2021 và biên bản lấy lời khai người yêu cầu là ông Phàn Quẩy C trình bày:

Ông Phàn Quẩy C có con gái là Phàn Tả M. Chị Phàn Tả M và anh Cầm Văn Đ, đăng kết hôn ngày 02 tháng 11 năm 2015, tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện VY, tỉnh Yên Bái. Hôn nhân là tự nguyện, không do bên nào ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến khi chị M đi đăng kí giấy khai sinh cho người con thứ hai thì Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện VY, tỉnh Yên Bái yêu cầu chị M nộp Giấy đăng kí kết hôn và Giấy chứng minh nhân dân của chị M thì phát hiện ngày tháng năm sinh của chị M trong hai giấy tờ không thống nhất nên Ủy ban nhân dân xã Đ không làm thủ tục khai sinh cho con chị M được. Do nhận thức pháp luật còn hạn chế nên khi đi đăng ký kết hôn, chị M không nhớ chính xác ngày tháng năm sinh của mình chị M đã khai ngày tháng năm sinh là ngày 27/2/1995 theo sổ hộ khẩu của tôi là Phàn Quẩy C do chị không tìm thấy giấy khai sinh. Sau đó, đến tháng 8 năm 2017 chị M mới tìm được giấy khai sinh (đăng ký quá hạn) của chị mang tên Phàn Tả M, sinh ngày 04/11/1998 do Uỷ ban nhân dân xã S, huyện SP, tỉnh Lào Cai cấp ngày 15/10/2007. Như vậy tại thời điểm đăng ký kết hôn con gái tôi là chị M mới 16 tuổi 11 tháng 28 ngày chưa đủ điều kiện kết hôn theo Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy ông Phàn Quẩy C yêu cầu Tòa án nhân dân huyện VY huỷ việc kết hôn trái pháp luật giữa Phàn Tả M và Cầm Văn Đ và đề nghị công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh Đ kể từ thời điểm chị Phàn Tả M đủ tuổi kết hôn.

Tại bản tự khai và tại phiên họp người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Phàn Tả M và anh Cầm Văn Đ trình bày:

Chị Phàn Tả M và anh Cầm Văn Đ đăng kết hôn ngày 02 tháng 11 năm 2015 tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện VY, tỉnh Yên Bái. Hôn nhân là tự nguyện, không do bên nào ép buộc. Do nhận thức pháp luật còn hạn chế nên khi đi đăng ký kết hôn, chị M không nhớ chính xác ngày tháng năm sinh của mình chị M đã khai ngày tháng năm sinh là ngày 27/02/1995 theo sổ hộ khẩu của bố đẻ là Phàn Quẩy C do chị không tìm thấy giấy khai sinh. Sau đó, đến năm 2016 chị M mới tìm được giấy khai sinh (đăng ký quá hạn) của chị mang tên Phàn Tả M, sinh ngày 04/11/1998 do Uỷ ban nhân dân xã S, huyện SP, tỉnh Lào Cai cấp ngày 15/10/2007. Như vậy tại thời điểm đăng ký kết hôn chị M mới 16 tuổi 11 tháng 28 ngày chưa đủ điều kiện kết hôn theo Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc và hiện nay có hai người con chung là Cầm Thu T, sinh ngày 22 tháng 6 năm 2016 và Cầm Minh K, ngày 06 tháng 12 sinh năm 2020. Chị M và anh Đ đồng ý yêu cầu huỷ việc kết hôn trái pháp luật của ông Phàn Quẩy C và yêu cầu Toà án công nhận quan hệ hôn nhân hợp pháp kể từ thời điểm chị M đủ tuổi kết hôn. Chị M và anh Đ không yêu cầu Toà án giải quyết về con chung, tài sản chung, nợ chung.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện VY, tỉnh Yên Bái trình bày: Căn cứ theo hồ sơ kết hôn năm 2015 lưu tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện VY, tỉnh Yên Bái. Ngày 02/11/2015 anh Cầm Văn Đ và chị Phàn Tả M

đến Uỷ ban nhân dân xã Đ để làm thủ tục đăng ký kết hôn, quá trình làm thủ tục đăng ký kết hôn cho hai bên được tiến hành đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và Điều 18 Nghị định 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch và nộp các giấy tờ theo quy định. Sau khi kiểm tra các giấy tờ do chị M xuất trình và được lưu tại Uỷ ban nhân dân xã thì việc đăng ký kết hôn giữa chị M và anh Đ là hoàn toàn đúng theo quy định của pháp luật, không có sự ép buộc hay không đủ điều kiện để đăng ký kết hôn. Ngày 22/12/2020, chị Phàn Tả M đến Uỷ ban nhân dân xã để làm thủ tục đăng ký khai sinh cho con là cháu thứ hai, sau khi yêu cầu chị M xuất trình các giấy tờ để làm thủ tục khai sinh thì Uỷ ban nhân dân xã thấy các giấy tờ của chị M không thống nhất về ngày, tháng, năm sinh, lúc này chị M mới trình bày trước đây giấy tờ của chị sinh ngày 27/2/1995 nhưng sau khi sinh cháu thứ nhất chị đi làm ở Công ty TNHH V tại VP, Công ty đòi phải nộp giấy khai sinh, chị M về nhà tìm và thấy mình có một giấy khai sinh nhưng lại không thống nhất với các giấy tờ hiện có, theo Giấy khai sinh thì chị M sinh ngày 04/11/1998, còn các giấy tờ hiện có sinh ngày 27/5/1995. Sau đó chị M mang giấy khai sinh cùng sổ hộ khẩu và chứng minh thư nhân dân đi sửa lại và Công an xã căn cứ vào Giấy khai sinh để sửa lại các giấy tờ cho chị M theo đúng ngày tháng năm sinh trong giấy khai sinh là ngày 04/11/1998. Qua đối chiếu các giấy tờ hiện tại và giấy tờ chị M đi đăng ký kết hôn năm 2015 thì nhận thấy việc đăng ký kết hôn năm 2015 của chị M và anh Đ năm 2015 là vi phạm khoản 1 Điều 8 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Đề nghị Toà án giải quyết yêu cầu của chị M và anh Đ theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết việc dân sự, Toà án tiến hành xác minh tại Uỷ ban nhân dân xã M (trước đây là xã S), thị xã SP, tỉnh Lào Cai xác định: "Về việc cấp Giấy khai sinh và giấy xác nhận tình trạng hôn nhân gia đình của Uỷ ban nhân dân xã S về công dân Phàn Tả M cho thấy không thống nhất. Qua kiểm tra thấy giấy khai sinh cấp ngày 15/10/2007 (đăng ký quá hạn) kiểm tra hồ sơ lưu, Uỷ ban nhân dân xã S không còn lưu giữ được sổ gốc. Chị Phàn Tả M đến Uỷ ban nhân dân xã S ngày 26/10/2015 yêu cầu cấp xác nhận tình trạng hôn nhân và gia đình, Uỷ ban nhân dân xã S tiếp nhận hồ sơ của chị tại thời điểm đó đủ điều kiện kết hôn theo giấy tờ tuỳ thân là chứng minh thư nhân dân số 063520370 do Công an tỉnh Lào Cai cấp ngày 23/10/2015. Đến nay chị Phàn Tả M lại xuất trình được Giấy khai sinh ngày 04/10/1998 là giấy khai sinh số 97 quyển 01/UBND xã S cấp ngày 15 tháng 10 năm 2007, như vậy chị Phàn Tả M không đủ điều kiện kết hôn tại thời điểm đó. Đề nghị Toà án nhân dân huyện VY, tỉnh Yên Bái căn cứ Giấy khai sinh của công dân, huỷ bỏ các giấy tờ không hợp lệ theo quy định".

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên họp phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết việc dân sự Thẩm phán, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục giải quyết việc dân sự. Người tham gia tố tụng thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết việc dân sự: Đề nghị Toà án nhân dân huyện Văn Yên áp dụng: Khoản 1 Điều 29; các Điều 366; 367; 369; 370 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 8; Điều 10; Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Đề nghị chấp nhận yêu cầu huỷ việc kết hôn trái pháp luật của ông Phàn Quẩy C: Huỷ việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Phàn Tả M và anh Cầm Văn Đ theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 49/2015 đăng ký ngày 02/11/2015 của Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện VY, tỉnh Yên Bái. Công nhận quan hệ hôn nhân của chị Phàn Tả M và anh Cầm Văn Đ kể từ ngày 04/11/2016; Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Ông Phàn Quẩy C không phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự, được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái tại phiên họp, Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái nhận định:

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng: Đây là yêu cầu huỷ việc kết hôn trái pháp luật, do việc đăng ký kết hôn được thực hiện tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện VY, tỉnh Yên Bái nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái theo quy định tại khoản 1 Điều 29, điểm g khoản 2 Điều 39 của Bộ Luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên họp người yêu cầu là ông Phàn Quẩy C, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Uỷ ban nhân dân xã Đ vắng mặt có đơn xin vắng mặt tại phiên họp. Căn cứ quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 367 của Bộ luật tố tụng dân sự. Toà án tiến hành mở phiên họp vắng mặt ông Phàn Quẩy C và Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện VY, tỉnh Yên Bái.

[2] Về yêu cầu huỷ việc kết hôn trái pháp luật: Chị Phàn Tả M, sinh ngày 04/11/1998 và anh Cầm Văn Đ, sinh ngày 10/9/1988 đăng ký kết hôn ngày 02 tháng 11 năm 2015 tại UBND xã Đ, huyện VY, tỉnh Yên Bái trên cơ sở tự nguyện. Tuy nhiên tại thời điểm đăng ký kết hôn chị Phàn Tả M mới được mới 16 tuổi 11 tháng 28 ngày nên chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của ông Phàn Quẩy C về việc yêu cầu Toà án huỷ việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Phàn Tả M và anh Cầm Văn Đ theo giấy chứng nhận kết hôn số 49/2015 đăng ký ngày 02/11/2015 của Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện VY, tỉnh Yên Bái.

[3] Về yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân: Ông Phàn Quẩy C yêu cầu Toà án nhân dân huyện Văn Yên huỷ việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Phàn Tả M và anh Cầm Văn Đ và đề nghị Toà án công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Phàn Tả M và anh Cầm Văn Đ kể từ thời điểm chị M đủ tuổi kết hôn. Tại thời điểm Toà án giải quyết yêu cầu huỷ việc kết hôn trái pháp luật, chị M đã đủ tuổi kết hôn (chị M đủ tuổi kết hôn từ ngày 04/11/2016). Sau khi kết hôn chị M và anh Đ chung sống hoà thuận, hạnh phúc và đều có yêu cầu Toà án công nhận quan hệ hôn nhân từ thời

điểm chị M đủ tuổi kết hôn. Xét yêu cầu của ông C, chị M, anh Đ là có cơ sở và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên cần xem xét chấp nhận.

Về con chung, về tài sản chung, nợ chung: Chị Phàn Tả M và anh Cầm Văn Đ không yêu cầu Toà án giải quyết nên Toà án không xem xét.

[4] Kiến nghị Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện VY, tỉnh Yên Bái thực hiện việc ghi chú vào sổ hộ tịch về việc huỷ kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Phàn Tả M và anh Cầm Văn Đ theo quy định của pháp luật.

[5] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Căn cứ vào Điều 149 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 11, Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, ông Phàn Quẩy C không phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự. Hoàn trả lại ông Phàn Quẩy C số tiền lệ phí giải quyết việc dân sự mà ông đã nộp.

[6] Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo; Viện kiểm sát nhân dân huyện VY; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái có quyền kháng nghị Quyết định này theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39; Điều 149; Điều 361; Điều 362; Điều 366; Điều 367; Điều 370, Điều 371; Điều 372 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 1 Điều 8; Điều 10; Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của ông Phàn Quẩy C. Huỷ việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Phàn Tả M và anh Cầm Văn Đ theo giấy chứng nhận kết hôn số 49/2015 đăng ký ngày 02/11/2015 của Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện VY, tỉnh Yên Bái.

Công nhận quan hệ hôn nhân của chị Phàn Tả M và anh Cầm Văn Đ hợp pháp kể từ thời điểm chị Phàn Tả M đủ tuổi kết hôn là ngày 04/11/2016.

2. Kiến nghị Uỷ ban nhân dân xã ĐC, huyện VY, tỉnh Yên Bái thực hiện việc ghi chú vào sổ hộ tịch về việc huỷ kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân của chị Phàn Tả M và anh Cầm Văn Đ theo quy định của pháp luật.

3. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ông Phàn Quẩy C không phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự. Hoàn trả ông Phàn Quẩy C số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng mà ông đã nộp tại chi Cục thi hành án dân sự huyện Văn Yên, tỉnh Yên, theo biên lai thu số AA/2021/0001308 ngày 15 tháng 11 năm 2021.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên họp được quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc quyết định được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Toà án ra quyết định.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định trong thời hạn 10 ngày. Viện Kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị quyết định trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Toà án ra quyết định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện VY;
- CCTHADS huyện VY;
- UBND xã ĐC;
- Người yêu cầu;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: HS, tập QĐ.

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN HỌP

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hương